

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ II NĂM 2019

(ĐÃ SOÁT XÉT)

STT	CHỈ TIÊU	Mã	THUYẾT	QUÝ II/2018	QUÝ II/2019	CHÊNH LỆCH	%
		số	MINH				
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	109.672.234.691	112.284.639.137	2.612.404.446	102,38
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 10 - 01)	10		109.672.234.691	112.284.639.137	2.612.404.446	102,38
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	69.390.274.773	73.608.510.014	4.218.235.241	106,08
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		40.281.959.918	38.676.129.123	(1.605.830.795)	96,01
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	9.077.232.187	9.842.912.970	765.680.783	108,44
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	1.129.349.999	6.602.377.487	5.473.027.488	584,62
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23		175.993.532	1.472.044.149	1.296.050.617	836,42
8	Chi phí bán hàng	24		991.003.962	734.799.015	(256.204.947)	74,15
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.046.964.359	9.485.674.632	(561.289.727)	94,41
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	30		37.191.873.785	31.696.190.959	(5.495.682.826)	85,22
	Thu nhập khác	31		21.190.176.641	5.140.782.965	(16.049.393.676)	24,26
11	Chi phí khác	32		2.670.892.169	1.202.377.346	(1.468.514.823)	45,02
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		18.519.284.472	3.938.405.619	(14.580.878.853)	21,27
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	50		55.711.158.257	35.634.596.578	(20.076.561.679)	63,96
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		10.826.654.757	6.431.079.557	(4.395.575.200)	59,40
15	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-	-	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (=50-51-52)	60	VI.30	44.884.503.500	29.203.517.021	(15.680.986.479)	65,06
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.119	728		
18	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		1.119	728		

Giải Trình:

Trong Quý II/2018: Sản lượng tiêu thụ là 2.120 tấn; Giá bán bình quân: 34.855.280 VND/tấn.

Trong Quý II/2019: Sản lượng tiêu thụ là 2.185 tấn; Giá bán bình quân: 33.996.999 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ Quý II/2019 cao hơn Quý II/2018. Nhưng giá bán bình quân thấp hơn Quý II/2018.

(giá bán bình quân Quý II/2019 giảm : 858.281 VND/tấn hay giảm 2,46% so với Quý II/2018)

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh Quý II/2019 giảm: 5.495.682.826 VND hay giảm 14,78% so với Quý II/2018.

+ Lợi nhuận khác Quý II/2019 giảm : 14.580.878.853 VND hay giảm 78,73% so với Quý II/2018

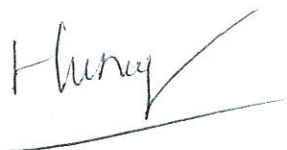
Do đó, lợi nhuận sau thuế Quý II/2019 giảm: 15.680.986.479 VND hay giảm 34,94% so với Quý II/2018.

Ngày 09 tháng 08 năm 2019


Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc



VÕ DUY HƯỞNG



Phạm Ngọc Huy



Hồ Cường